

Bản án số: 101/2023/KDTM-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Phú Minh Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3079/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4282/2023/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Số H đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành P là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2087/2023/UQ-PGD ngày 10 tháng 4 năm 2023)

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần C1

Địa chỉ trụ sở: L17-11 Tòa nhà V, số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Bích C, sinh năm 1981 là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số D đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Bích C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số D đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Công ty cổ phần C1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh S – Phòng giao dịch T theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019 có nội dung hạn mức thấu chi: 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2019, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng vay trên là 20%/năm, giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán phân phối giày dép.

Khoản vay cũng được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Phạm Bích C theo Hợp đồng bảo lãnh số H11/19115 ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã nhận và sử dụng vốn vay thấu chi theo tài khoản số 196488707 của bị đơn mở tại bên Ngân hàng TMCP V. Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng vay, ngày chuyển sang nợ quá hạn là ngày 30/10/2021. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn cố tình không hoàn trả nợ vay. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án như sau:

- Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 451.583.274 đồng (nợ gốc là 297.272.298 đồng, lãi trong hạn là 4.723.779 đồng, lãi quá hạn là 148.799.038 đồng, lãi chậm trả là 788.159 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019.

- Ngoài ra bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Bích C có trách nhiệm thanh toán tất cả khoản tiền trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng

pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty cổ phần C1 có địa chỉ trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 297.272.298 đồng nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Phạm Bích C.

[5] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế sang nợ quá hạn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng; Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy

chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng N (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 297.272.298 đồng nợ gốc, 4.723.779 đồng lãi trong hạn, 148.799.038 đồng lãi quá hạn, 788.159 đồng lãi chậm trả đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019 là có căn cứ để được chấp nhận.

[6] Xét Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liên kế của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Xét Ngày 29 tháng 10 năm 2019, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh S – Phòng G và bà Phạm Bích C đã ký Hợp đồng bảo lãnh số H11/19115 có nội dung: Bà Phạm Bích C đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bị đơn trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bị đơn với nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa hai bên, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với nguyên đơn theo các văn kiện tín dụng. Xét hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do đó, trong trường hợp Công ty cổ phần C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì bà Phạm Bích C có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty cổ phần C1 Năng Động toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019 trên.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V,

Buộc Công ty cổ phần C1 thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 297.272.298 đồng nợ gốc, 4.723.779 đồng lãi trong hạn, 148.799.038 đồng lãi quá hạn và 788.159 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Công ty cổ phần C1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì buộc bà Phạm Bích C có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty cổ phần C1 Năng Động toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/19114 ngày 29 tháng 10 năm 2019.

2. Về án phí: Công ty cổ phần C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.063.331 đồng.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 10.126.008 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2022/0018304 ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Mai